

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2023 .

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B** – Nay là **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2)** theo quyết định số 423/QĐ-TTGSNH2 của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng – **Ngân hàng N1**.

Địa chỉ: **Số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Nam T** – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Đình D** - Chức vụ: Giám đốc **Chi nhánh D**;

Địa chỉ: **Số A N, Phường H, Quận H, TP** .

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà **Phan Thị Thanh L**, sinh năm 1984 theo Giấy ủy quyền ngày 153C/2024 ngày 05/3/2024 của **Chi nhánh D** – **Ngân hàng TMCP B**.

Bị đơn: **Công ty Cổ phần C**

Địa chỉ: **Cụm C - H, thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Văn T1** – chức vụ: Tổng Giám Đốc. Người

đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Thành V**, sinh năm 1993 theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2024.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ **Công ty Cổ phần P**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Văn T1** – chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Địa chỉ: **Đường T, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Thành V**, sinh năm 1993 theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2024.

+ **Công ty Cổ phần C - Chi nhánh II.**

Địa chỉ: **Đường T, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Thanh T2** -- chức vụ: Trưởng Chi nhánh. Địa chỉ thường trú: **Số F T, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội.** Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Thành V**, sinh năm 1993 theo Giấy ủy quyền ngày 29/2/2024.

+ **Trung tâm điều hành đèn tín hiệu giao thông và vận tải công công.**

Địa chỉ: **D T, TP .**

Người đại diện theo ủy quyền ông **Hồ Trường V1** theo giấy ủy quyền ngày 12/8/2024.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác nhận nợ: **Công ty Cổ phần C** xác nhận có nợ **Ngân hàng TMCP B** – Nay là **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2)** số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2024 là 178.447.496.469 đồng. Trong đó nợ gốc là 97.462.973.694 đồng, nợ lãi quá hạn là **45.365.994.553 đồng**, **N** lãi chậm trả gốc 30.193.227.038 đồng, Nợ lãi chậm trả lãi 5.425.301.184 đồng

2. Thời hạn trả nợ như sau: Hạn cuối đến ngày 31/10/2024, **Công ty Cổ phần C** có nghĩa vụ trả dứt điểm cho **Ngân hàng TMCP B** – Nay là **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2)** toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

3. Kể từ ngày 24/8/2024, **Công ty Cổ phần C** còn phải trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong khoản nợ trên.

4. Nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trên thì **Ngân hàng L2** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản đảm bảo, bao gồm:

- **Tài sản 1:** Quyền sử dụng 923,4m² đất cơ sở sản xuất kinh doanh cùng tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: **Lô H, khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự cao cấp ven biển, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 108824 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/09/2009, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: T04010, đứng tên **Công ty cổ phần P**, cập nhật chủ sở hữu ngày 27/02/2015. Tài sản này được **Công ty cổ phần P** thế chấp tại **L2** theo theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 002990, Quyền số ên số công chứng 01T, TP/CC-SCC/HĐGDVấn phòng Công chứng **Trần Thị T3**, địa chỉ **số F H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng** công chứng ngày 21/05/2019 để xử lý thu hồi nợ vay cho **L2**. (Chi tiết xem theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số HDTC41020190216.01 ngày 21/05/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số HDTC41020190216.02 ngày 30/05/2019) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- **Tài sản 2:** Quyền sử dụng 924,2 m² đất cơ sở sản xuất kinh doanh cùng tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: **Lô H, khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự cao cấp ven biển, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng** theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số AN 108826 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/09/2009, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: T04012, đứng tên Công ty cổ phần P, cập nhật chủ sở hữu ngày 27/02/2015. Tài sản này được Công ty cổ phần P thế chấp tại L2 theo theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 002990, Quyền số ền_số_công_chứng 01T, TP/CC-SCC/HĐGDVăn phòng Công chứng Trần Thị T3, địa chỉ số F H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 21/05/2019 để xử lý thu hồi nợ vay cho L2.(Chi tiết xem theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số HDTC41020190216.01 ngày 21/05/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số HDTC41020190216.02 ngày 30/05/2019) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- **Tài sản 3:** Quyền sử dụng 500,4 m2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh cùng tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Lô H, khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự cao cấp ven biển, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 108804 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/09/2009, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: T03990, đứng tên Công ty cổ phần P, cập nhật chủ sở hữu ngày 27/02/2015. Tài sản này được Công ty cổ phần P thế chấp tại L2 theo theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 002990, Quyền số ền_số_công_chứng 01T, TP/CC-SCC/HĐGDVăn phòng Công chứng Trần Thị T3, địa chỉ số F H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 21/05/2019 để xử lý thu hồi nợ vay cho L2.(Chi tiết xem theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số HDTC41020190216.01 ngày 21/05/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số HDTC41020190216.02 ngày 30/05/2019) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- **Tài sản 4:** Quyền sử dụng 500,4 m2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh cùng tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Lô H, khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự cao cấp ven biển, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 108812 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/09/2009, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: T03998, đứng tên Công ty cổ phần P, cập nhật chủ sở hữu ngày 27/02/2015. Tài sản này được Công ty cổ phần P thế chấp tại L2 theo theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 002990, Quyền số ền_số_công_chứng 01T, TP/CC-SCC/HĐGDdo Văn phòng C1, địa chỉ số F H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 21/05/2019 để xử lý thu hồi nợ vay cho L2.(Chi tiết xem theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số HDTC41020190216.01 ngày 21/05/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số HDTC41020190216.02 ngày 30/05/2019) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- **Tài sản 5:** Quyền sử dụng 500,4 m2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh cùng tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Lô H, khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự cao cấp ven biển, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 108808 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đ cấp ngày 01/09/2009, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: T03994, đứng tên Công ty cổ phần

P, cập nhật chủ sở hữu ngày 27/02/2015. Tài sản này được Công ty cổ phần P thế chấp tại L2 theo theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng 003188, Quyền số ền số công chứng 01T, TP/CC-SCC/HĐGDdo Văn phòng C1, địa chỉ số F H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 07/06/2019 để xử lý thu hồi nợ vay cho L2.(Chi tiết xem theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số HDTC41020190216.03 ngày 07/06/2019) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- **Tài sản** : 22 Xe ô tô nhãn hiệu TRACOMECO loại Ô tô khách thành phố màu Xanh Trắng Vàng, đứng tên Chi nhánh II - Công ty Cổ phần C tại Đà Nẵng. 43 tài sản này được Công ty cổ phần P thế chấp tại L2 theo theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số công chứng 2947, Quyền số ền số công chứng 01T, TP/CC-SCC/HĐGD Văn phòng Công chứng Phạm Văn K, địa chỉ số I N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 02/10/2019 để xử lý thu hồi nợ vay cho L2.(Chi tiết xem theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDTC41020190304.01 ngày 02/10/2019) và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Chi tiết như sau:

Stt	Chún g nhận đăng ký xe	Ngày cấp	Nơi cấp	Số máy	Số khung	Biển số
1	8195 2	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ2024 30	07GAKT0 07085	43B- 052.29
2	8194 3	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ2023 47	07GAKT0 07086	43B- 053.53
3	8194 8	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ2023 27	07GAKT0 07089	43B- 052.11
4	8198 4	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ2024 26	07GAKT0 07117	43B- 053.87

5	8197 3	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1991 24	07GAKT0 07123	43B- 053.61
6	8196 2	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1993 31	07GAKT0 07124	43B- 052.57
7	8195 0	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1993 52	07GAKT0 07126	43B- 052.22
8	8194 7	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1969 74	07GAKT0 07128	43B- 052.13
9	8198 3	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ2023 49	07GAKT0 07129	43B- 053.94
10	8195 8	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1993 40	07GAKT0 07130	43B- 052.50
11	8196 5	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1993 56	07GAKT0 07132	43B- 053.14
12	8197 5	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ2023 25	07GAKT0 07133	43B- 053.65
13	8197 6	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ2023 29	07GAKT0 07134	43B- 053.62
14	8196 3	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1991 36	07GAKT0 07135	43B- 052.78

15	8195 3	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ2023 40	07GAKT0 07136	43B- 052.41
16	8198 0	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1992 80	07GAKT0 07137	43B- 053.72
17	8196 8	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1993 63	07GAKT0 07138	43B- 053.32
18	8196 7	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ2023 48	07GAKT0 07140	43B- 053.36
19	8196 9	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1992 92	07GAKT0 07143	43B- 053.42
20	8197 0	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1991 12	07GAKT0 07144	43B- 053.39
21	8197 1	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1991 14	07GAKT0 07147	43B- 053.49
22	8198 6	2/10/201 9	Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Đà Nẵng	PF41GJ1970 47	07GAKT0 07148	43B- 053.96

để thu hồi nợ trả cho **Ngân hàng L2**.

Về án phí: Án phí kinh doanh TM sơ thẩm là 143,223,748 đồng **Công ty Cổ phần C** chịu.

Ngân hàng TMCP B chi nhánh Đ – Nay là **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2)** không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B chi nhánh Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 141.479.132 đồng theo biên lai thu số 01491 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

Chi phí xem xét thẩm định Ngân hàng tự nguyện chịu (đã chi xong)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- Dương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

Trần Công Hoan